

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

**KẾ HOẠCH
Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025
và định hướng đến năm 2030**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050;
- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Để đảm bảo việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đáp ứng các yêu cầu và quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 và Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách trên địa bàn tỉnh;
- Nâng cao tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường;

- Ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; gia tăng diện tích các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ; tăng cường quản lý môi trường các di sản thiên nhiên;

- Chú trọng thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH); xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và đến năm 2030 trong Phụ lục 1 kèm theo.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch và các quy định trên lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Xây dựng và ban hành các chính sách, chương trình, kế hoạch và các quy định, hướng dẫn nhằm cụ thể hóa việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; trong đó chú trọng ban hành các quy định hướng dẫn việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 theo Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường và ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Kế hoạch này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm tình hình của từng đơn vị, địa phương; tổ chức quán triệt sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu đề ra đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Tăng cường quản lý, cải thiện chất lượng môi trường khu vực đô thị

- Ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Định làm cơ sở cho việc thực hiện đồng bộ công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023- 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh. Phấn đấu thực hiện đạt mục tiêu đề ra đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý đảm bảo.

- Ban hành quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh. Tổ chức thực hiện các mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các địa phương để làm cơ sở cho việc triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên toàn địa bàn tỉnh từ 01/01/2025.

- Thực hiện quy hoạch phân vùng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Trong giai đoạn 2023 - 2025, đẩy nhanh tiến độ đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo công nghệ đốt rác phát điện tại Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn (phục vụ cho khu vực phía Nam tỉnh), Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo công nghệ hỗn hợp (đốt tiêu hủy hoặc làm phân vi sinh, tái chế nhựa và đốt tiêu hủy) tại phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn (phục vụ cho khu vực phía Bắc tỉnh), Nhà máy đốt rác tại Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn (trước mắt xử lý cho huyện Tây Sơn và về lâu dài cho khu vực phía Tây tỉnh). Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, kêu gọi các nhà đầu tư tư nhân tham gia thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và nguy hại.

- Ban hành Kế hoạch quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh trên cơ sở lồng ghép các kế hoạch, chỉ thị, quyết định đã ban hành (Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh) làm cơ sở thực hiện đồng bộ công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý các công trình xây dựng, đảm bảo việc thực hiện đầu nổi nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước chung. Đưa Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2 (nâng công suất lên 28.000 m³/ngày) vào hoạt động. Triển khai dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn (giai đoạn 1). Đồng thời, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cho một số khu vực đô thị có mật độ dân cư cao thuộc các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước.

- Rà soát, thống kê, phân loại, xây dựng lộ trình và thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm xen kẽ trong các khu dân cư đô thị gây ô nhiễm môi trường vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

3. Chú trọng quản lý, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp

- Rà soát, hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường (thoát nước mưa, nước thải, xử lý nước thải và quy hoạch cây xanh) tại các khu công nghiệp; vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường; truyền số liệu quan trắc tự động nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Rà soát quy hoạch (về không gian và ngành nghề) tại các cụm công nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp, nhất là việc tuân thủ khoảng cách an toàn về môi trường và tỷ lệ cây xanh. Đối với các cụm công nghiệp đã hoạt động mà không đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường sẽ thực hiện điều chỉnh quy hoạch hoặc xem xét dừng hoạt động, di dời các cơ sở sản xuất đến địa điểm mới.

- Chú trọng kêu gọi xã hội hóa đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp. Ban hành Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có hạ tầng về bảo vệ môi trường, xử lý nước thải tập trung, sau khi Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp từ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 do Bộ Công Thương xây dựng được phê duyệt.

- Thực hiện đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các cụm công nghiệp theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; khuyến khích các địa phương, nhà đầu tư thực hiện đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung sớm hơn so với lộ trình trong Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; yêu cầu các cơ sở thực hiện đảm bảo việc thu gom, xử lý chất thải, đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung; kiên quyết xử lý các cơ sở vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

4. Từng bước cải thiện chất lượng môi trường khu vực nông thôn

- Tuyên truyền, vận động người dân khu vực nông thôn sử dụng nước sạch, xây dựng các công trình vệ sinh đảm bảo. Triển khai các mô hình xử lý nước thải phù hợp với khu vực nông thôn.

- Tiếp tục cải thiện công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn, nâng cao tần suất thu gom và mở rộng địa bàn thu gom, hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng hình thành các điểm tập kết rác tự phát gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; tăng cường tái chế, tái sử dụng phụ phẩm phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Đóng cửa các bãi chôn lấp hợp vệ sinh đã dừng hoạt động và các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh cấp huyện và cấp xã, hoàn thành chậm nhất ngày 31/12/2025.

- Thực hiện đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các làng nghề theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; hướng dẫn, hỗ trợ triển khai các mô hình sản xuất sạch, xử lý chất thải tại các làng nghề.

- Rà soát, quy hoạch và đầu tư các khu chăn nuôi tập trung phù hợp với quy hoạch tổng thể của tỉnh, chú trọng đảm bảo khoảng cách theo đúng quy định pháp luật và đặc biệt thực hiện các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện các giải pháp thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi; nhất là chăn nuôi heo xây dựng hầm biogas đảm bảo công suất và sử dụng chế phẩm vi sinh hạn chế mùi hôi. Chú trọng hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi tái sử dụng chất thải, nhất là tái sử dụng nước thải chăn nuôi cho cây trồng theo quy định.

- Thực hiện đồng bộ công tác thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; xây dựng các kho chứa tại mỗi địa phương (cấp xã) và định kỳ thực hiện việc chuyển giao cho đơn vị xử lý theo đúng quy định.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý chất thải môi trường nước mặt tỉnh Bình Định; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn tỉnh làm cơ sở thực hiện các giải pháp xử lý, khôi phục.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, đảm bảo các xã đạt chuẩn phải hoàn thành tiêu chí môi trường và tiếp tục duy trì bền vững.

5. Quan tâm thực hiện công tác Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ di sản thiên nhiên

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học theo Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn.

- Thành lập mới và nâng mức độ bảo tồn đối với các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh, chú trọng việc thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Thị Nại, Khu bảo tồn biển Quy Nhơn, Vườn Quốc gia An Toàn, khu rừng đặc dụng huyện Vĩnh Thạnh,... Tiếp tục điều tra, khảo sát và thực hiện kế hoạch diệt trừ các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, xây dựng và ban hành quy chế, kế hoạch bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên trên địa bàn tỉnh; hình thành các tổ chức quản lý di sản thiên nhiên và tổ chức định kỳ đánh giá di sản thiên nhiên theo quy định theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chú trọng thực hiện công tác điều tra, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học tại các khu vực trên địa bàn tỉnh để đánh giá diễn biến và làm cơ sở đề xuất các khu vực đảm bảo tiêu chí thành lập mới các di sản thiên nhiên.

- Ban hành quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh làm cơ sở yêu cầu các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên (rừng, biển, các vùng đất ngập nước,...) trả tiền cho tổ chức, cá nhân cung ứng giá trị môi trường, cảnh quan do hệ sinh thái tự nhiên tạo ra để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, kết hợp với kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong việc khai thác các nguồn lợi (từ rừng, biển, các ao, hồ, đầm,...) quá mức, mang tính hủy diệt; phát triển các mô hình đồng quản lý và nâng cao sinh kế kết hợp với quản lý, bảo vệ rừng, biển và các hệ sinh thái nhạy cảm.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Rà soát, xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chế phối hợp trong công tác quản lý môi trường nhằm huy động tổng thể các nguồn lực và tăng cường sự phối hợp trong việc triển khai công tác bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là các công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ và kỹ thuật sản xuất vật liệu thân thiện với môi trường và công nghệ xử lý chất thải để thực hiện kinh tế tuần hoàn.

- Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý môi trường, trọng tâm là xây dựng và vận hành đồng bộ hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu môi trường và đa dạng sinh học toàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường nhằm quản lý tốt dữ liệu về môi trường trên địa bàn tỉnh và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường toàn quốc.

- Thực hiện đảm bảo quy trình xây dựng, xét duyệt, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường; chú trọng phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải các đô thị và các cụm công nghiệp.

- Thực hiện công tác truyền thông môi trường theo Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh về truyền thông bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025; xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 nhằm nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện công tác quan trắc môi trường, đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường toàn tỉnh; công khai số liệu quan trắc môi trường; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng, lắp đặt và chuyển giao các quan trắc tự động môi trường xung quanh. Yêu cầu các dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc tự động nguồn thải khẩn trương hoàn thành việc lắp đặt trong năm 2024, truyền số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

- Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là đối với lĩnh vực thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi, đầu thầu vận hành các công trình xử lý nước thải tập trung do nhà nước quản lý,... Tranh thủ nguồn vốn ODA để thực hiện các dự án đòi hỏi kinh phí lớn như dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của các địa phương.

- Thực hiện đồng bộ công tác quản lý môi trường; chú trọng đào tạo, tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường, nhất là đội ngũ cán bộ cấp xã.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; chú trọng kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, các cơ sở chăn nuôi, không để phát sinh các điểm nóng về ô nhiễm môi trường; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường.

7. Triển khai các nhiệm vụ, đề tài, đề án, dự án cụ thể

Xây dựng và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, đề tài, đề án, dự án cụ thể trong Phụ lục 1I kèm theo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, tùy theo khả năng cân đối trong từng thời kỳ; nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố được phân công thực hiện các nhiệm vụ quy định trong Kế hoạch này có trách nhiệm chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí trong nguồn kinh phí ngân sách hàng năm được giao và huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, tham mưu, giúp UBND tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này; tham mưu kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy; nghiên cứu, đề xuất Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng

mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện; định kỳ hàng năm, năm 2025 và 05 năm tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, đồng thời bổ sung, điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch cho phù hợp với tình hình mới.

- Chủ trì xây dựng và tham mưu ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý chất thải làm cơ sở triển khai đồng bộ công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh; tham mưu ban hành kế hoạch quản lý rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, nước mặt; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường đất để làm cơ sở xây dựng và thực hiện phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất tại các khu vực bị ô nhiễm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học theo Luật Đa dạng sinh học, Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 và Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025; phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

- Chủ trì thực hiện công tác quan trắc, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường; phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về môi trường và đa dạng sinh học.

- Chủ trì đơn đốc, hướng dẫn và giám sát các địa phương thực hiện các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới; chủ trì quản lý môi trường tại các cụm công nghiệp và phối hợp giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và các địa phương thực hiện công tác truyền thông môi trường; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý; hỗ trợ các địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường. Phối hợp với các đơn vị, địa phương trong quản lý, vận hành đường dây nóng về bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các đề tài, nhiệm vụ, dự án trong Kế hoạch và các giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành và các địa phương về nhu cầu chi thường xuyên cho các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường phân bổ các nguồn kinh phí do Trung ương hỗ trợ và nguồn kinh phí của địa phương,

ưu tiên đảm bảo đủ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển để thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, đề án, dự án trong Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc lập, thẩm định, phê duyệt các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh các chính sách, giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi nhà đầu tư tham gia trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ được giao trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn.

- Chủ trì thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân khu vực nông thôn sử dụng nước sạch, xây dựng các công trình vệ sinh đảm bảo; triển khai các mô hình xử lý nước thải phù hợp với khu vực nông thôn.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung đảm bảo các tiêu chí về bảo vệ môi trường, triển khai các kế hoạch di dời cơ sở chăn nuôi không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường vào các khu chăn nuôi tập trung. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định về vùng được phép chăn nuôi, vùng không được phép nuôi chim yến; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi áp dụng đồng bộ Quy chuẩn QCVN 01-195:2022/BNNT Nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

- Chủ trì thực hiện công tác quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và nông thôn; phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, và tại các làng nghề; quản lý việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và phối hợp giám sát công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; hướng dẫn, đề xuất hỗ trợ và triển khai các mô hình sản xuất sạch, xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và khu vực nông thôn.

5. Sở Công Thương

- Phối hợp với các địa phương thực hiện kế hoạch di dời các cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và kế hoạch di dời các cơ sở ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến công chuyên giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường.

- Phối hợp giám sát chủ đầu tư các cụm công nghiệp thực hiện đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các cụm công nghiệp theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thực hiện Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường và các nhiệm vụ liên quan theo quy định.

- Ưu tiên hỗ trợ các cơ sở sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa khó phân hủy, nhựa sử dụng một lần theo các chương trình, kế hoạch do Sở Công Thương chủ trì thực hiện; tuyên truyền, hướng dẫn việc chuyển đổi sử dụng túi ni lông, bao bì thân thiện với môi trường tại các trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả Đề án đảm bảo môi trường trong hoạt động du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, cổ động trực quan nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch về giữ gìn vệ sinh môi trường trong hoạt động du lịch; đẩy mạnh thực hiện các mô hình du lịch sinh thái, thân thiện với môi trường, các mô hình khu du lịch, khách sạn, cơ sở lưu trú nói không với túi ni lông, nhà hàng không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần,...

- Quản lý và hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch, các hoạt động du lịch hạn chế sử dụng và có các biện pháp phân loại, thu gom và xử lý chất thải nhựa khó phân hủy.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là các công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ và kỹ thuật sản xuất vật liệu thân thiện với môi trường và công nghệ xử lý chất thải.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 24/7/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị “về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới” trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó chú trọng các nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, xử lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học.

8. Sở Xây dựng

- Chủ trì quản lý quy hoạch hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt các khu đô thị trên địa bàn tỉnh; đề xuất quy hoạch và lộ trình đầu tư các dự án xây dựng, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cho một số khu vực đô thị có mật độ dân cư cao thuộc các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh trong công tác quản lý chất thải xây dựng, quản lý bùn từ hệ thống thoát nước; phối hợp trong công tác quy hoạch, quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, quản lý bùn từ bể phốt, hầm cầu.

- Chủ trì thẩm định các đồ án quy hoạch, trong đó chú trọng yêu cầu thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường, tỷ lệ cây xanh, quản lý chất thải,...

9. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm Văn hoá - Thông tin - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường triển khai tuyên truyền nội dung các hoạt động của Kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì hướng dẫn và đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chú trọng nội dung bảo vệ môi trường trong chương trình chính khóa và tăng cường nội dung tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường vào các hoạt động ngoại khóa.

- Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường; phối hợp các cơ quan liên quan và các địa phương tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

11. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý hoạt động bảo vệ môi trường của các chủ đầu tư hạ tầng và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, tuyên truyền các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp; phát động phong trào bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất và duy trì trao giải thưởng Doanh nghiệp xanh cho các đơn vị thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

12. Công an tỉnh

- Chủ trì thực hiện chức năng phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chủ trì thực hiện Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1623/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường phòng, chống tội phạm về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 - 2025, 2026 - 2030.

13. Tỉnh đoàn Bình Định

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông môi trường sâu rộng trong lực lượng thanh niên; xây dựng và tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ tuyên truyền viên về bảo vệ môi trường các cấp hội đoàn. Xây dựng và phổ biến nề nếp, thói quen trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong lực lượng thanh thiếu niên.

- Phát động các huyện đoàn, xã đoàn hàng năm tối thiểu triển khai một hoạt động về bảo vệ môi trường (hội thi, ra quân, mô hình,...), trong đó chú trọng tuyên truyền về giảm thiểu sử dụng túi nilon và đồ nhựa sử dụng một lần trong lực lượng đoàn viên, thanh niên và đẩy mạnh thực hiện các phong trào thanh niên tình nguyện tham gia các mô hình, hoạt động về bảo vệ môi trường.

14. Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông môi trường sâu rộng trong hội viên; xây dựng và tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ tuyên truyền viên về bảo vệ môi trường các cấp hội.

- Phát động hội liên hiệp phụ nữ cấp huyện, xã triển khai các hoạt động về bảo vệ môi trường, chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn cộng đồng công tác phân loại rác tại nguồn, đóng tiền giá dịch vụ thu gom rác, giảm thiểu sử dụng túi nilon,...

15. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên, lãnh đạo cơ quan báo chí về công tác truyền thông bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và thực hiện các chuyên trang, chuyên mục về môi trường trên các sản phẩm thông tin (báo, bản tin, trang thông tin điện tử, kênh phát thanh, truyền hình) của cơ quan, đơn vị. Tăng cường phát sóng các phóng sự chuyên đề về công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn các đài phát thanh cấp huyện chú trọng việc phát các tin, bài về bảo vệ môi trường.

16. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chi tiết thực hiện Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, ban hành trong Quý IV năm 2023 để làm cơ sở thực hiện; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 31/01 hàng năm.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, đề tài, đề án, dự án ban hành kèm theo Kế hoạch này.

17. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường theo Kế hoạch này; tổ chức phản biện các chính sách và giám sát hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ + CV VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1
BẢNG TỔNG HỢP CÁC MỤC TIÊU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 2023 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Mục tiêu	
		Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Về quản lý môi trường đô thị		
1.1	Về quản lý chất thải rắn đô thị		
		- 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; tối đa 30% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom; Tỷ lệ chôn lấp không quá 20% đối với các dự án đầu tư mới cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt;	- 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; tối đa 10% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom; tỷ lệ chôn lấp không quá 10% đối với các dự án đầu tư mới cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
		- 100% chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, y tế,... được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; 50% chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.	- 100% chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, y tế,... được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; 90% chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
		- 85% chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý; 80% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; 100% trung tâm thương mại, siêu thị sử dụng túi ni lông, bao bì thân thiện với môi trường phục vụ cho mục đích sinh hoạt.	- 95% chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý; 100% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; 100% trung tâm thương mại, siêu thị sử dụng túi ni lông, bao bì thân thiện với môi trường phục vụ cho mục đích sinh hoạt.
1.2	Về quản lý nước thải đô thị		
		- 24% nước thải sinh hoạt đô thị toàn tỉnh được thu gom và xử lý đảm bảo, trong đó thành phố Quy Nhơn đạt 50%.	- 50% nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo.
2	Về quản lý môi trường nông thôn		
2.1.	Về quản lý chất thải rắn nông thôn		

STT	Nội dung	Mục tiêu	
		Đến năm 2025	Đến năm 2030
		- 50% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; 100% bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát, không hợp vệ sinh phải được xử lý đảm bảo yêu cầu môi trường; không để phát sinh mới các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, bãi rác tạm trên địa bàn tỉnh.	- 80% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định; tối đa 30% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom; 100% bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát, không hợp vệ sinh phải được xử lý đảm bảo yêu cầu môi trường; không để phát sinh mới các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, bãi rác tạm trên địa bàn tỉnh.
		- 100% chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động nông nghiệp, làng nghề được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.	- Tiếp tục duy trì như giai đoạn 2023 - 2025;
		- 80% các phụ phẩm nông nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.	- 100% các phụ phẩm nông nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.
2.2	Về quản lý làng nghề, cơ sở chăn nuôi		
		- 50% làng nghề đạt yêu cầu về thu gom và xử lý chất thải;	- 100% làng nghề đạt yêu cầu về thu gom và xử lý chất thải;
		- 100% trang trại nuôi heo có quy mô lớn, 50% trang trại nuôi heo có quy mô vừa và nhỏ xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật; 100% cơ sở chăn nuôi heo quy mô nông hộ có công trình biogas hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật khác xử lý chất thải chăn nuôi đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.	- 100% trang trại nuôi heo xây dựng đồng bộ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật;
		- 80% chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, gia súc, gia cầm phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế làm phân compost, biogas và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.	- 100% chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý, tái sử dụng, tái chế và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.
3	Về quản lý môi trường công nghiệp, các khu, cụm công nghiệp		
		- 100% chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu, cụm công nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.	- Tiếp tục duy trì như giai đoạn 2023 - 2025.

STT	Nội dung	Mục tiêu	
		Đến năm 2025	Đến năm 2030
		- 100% khu công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;	- Tiếp tục duy trì như giai đoạn 2023 - 2025.
		- 100% cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải; 100% cụm công nghiệp đi vào hoạt động phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động;	- 100% cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
		- 80% cơ sở xả khí thải phải có hệ thống xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng; 100% cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động phải thực hiện đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.	- 100% cơ sở xả khí thải phải có hệ thống xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng; - 100% cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động phải thực hiện đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
4	Về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ di sản thiên nhiên		
		- Hoàn thành các mục tiêu đến năm 2025 theo Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;	- Hoàn thành các mục tiêu đến năm 2030 theo Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
		- 100% các di sản thiên nhiên được phê duyệt Quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường và hình thành cơ cấu tổ chức, quản lý phù hợp;	- Tiếp tục duy trì như giai đoạn 2023 - 2025.
		- 20% di sản thiên nhiên thực hiện điều tra, đánh giá định kỳ.	- 50% di sản thiên nhiên thực hiện điều tra, đánh giá định kỳ;
		- Thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Thị Nại - Thành lập Khu Bảo tồn biển Quy Nhơn	- Thành lập Vườn Quốc Gia An Toàn; - Thành lập Khu rừng đặc dụng huyện Vĩnh Thạnh; - 70% khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đánh giá hiệu quả quản lý; - 50% các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thực hiện trả tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / / 2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
A	Các nhiệm vụ, giải pháp phi công trình				
I	<i>Xây dựng và thực hiện các chính sách, quy định, chương trình, kế hoạch</i>				
1	Quy định về quản lý chất thải tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Sở Tư pháp	2023	Quyết định của UBND tỉnh
2	Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Sở Tư pháp	2024	Quyết định của UBND tỉnh
3	Kế hoạch quản lý chất thải rắn cấp huyện giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TN&MT, các sở, ngành liên quan	2023	Kế hoạch của UBND cấp huyện
4	Kế hoạch bảo vệ môi trường cấp huyện đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TN&MT, các sở, ngành liên quan	2023	Kế hoạch của UBND cấp huyện
5	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Các sở, ngành liên quan, các huyện, thị xã, thành phố	2024-2025	Kế hoạch của UBND tỉnh
6	Kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường vào các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố	BQL KKT tỉnh, Sở Công Thương, Sở TN&MT	2024-2025	Kế hoạch của UBND cấp huyện
7	Kế hoạch di dời các cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công Thương, Sở TN&MT	2024-2025	Kế hoạch của UBND cấp huyện
8	Kế hoạch quản lý rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024-2025	Kế hoạch của UBND tỉnh

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
9	Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; quy định vùng nuôi chim yếm trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT, Sở Tư pháp, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024-2025	Nghị Quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh
10	Quy hoạch các khu, điểm chăn nuôi tập trung và di dời các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường vào các khu, điểm chăn nuôi tập trung	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở NN&PTNT, Sở TN&MT	2023-2025	Kế hoạch của UBND cấp huyện
11	Kế hoạch quản lý chất thải nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	Kế hoạch của UBND tỉnh
II	<i>Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, phương án, đề án, dự án</i>				
12	Phương án đầu tư xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề cấp huyện giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TN&MT, Sở Công thương, Sở NN&PTNT	2023	Phương án của UBND cấp huyện
13	Điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn và xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025-2026	Báo cáo
14	Điều tra, đánh giá sức chịu tải ô nhiễm của các nguồn nước làm cơ sở cho việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2023 - 2025, định hướng 2030	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024	Quyết định của UBND tỉnh
15	Kiểm kê nguồn khí thải, nước thải, chất thải rắn các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT, BQL KKT tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Báo cáo
16	Triển khai các nội dung theo Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030	Sở TN&MT, Sở Công Thương, Sở GTVT, Sở Xây dựng, Sở KH&CN, Sở NN&PTNT, Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2030	

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
17	Nghiên cứu giải pháp, công nghệ xử lý chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, phụ phẩm nông nghiệp, nước thải chăn nuôi, nước thải nuôi trồng thủy sản,...)	Sở KH&CN, Sở TN&MT	Sở NN&PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	Báo cáo
18	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cho thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn	Ban QLDA NN&PTNT	Sở KH&ĐT, Sở Xây dựng, Sở TN&MT, UBND TX An Nhơn, Hoài Nhơn, huyện Tây Sơn	2023-2025	Dự án được Chính phủ phê duyệt
19	Hướng dẫn triển khai việc hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy tại các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch ven biển	Sở Du lịch	Sở TN&MT, Các hội đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	Tài liệu hướng dẫn và báo cáo kết quả
20	Phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tỉnh Bình Định	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển	2023-2025	Quyết định của UBND tỉnh
21	Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp kiểm soát, giảm thiểu rác thải nhựa vùng ven biển tỉnh Bình Định (định kỳ 5 năm/lần)	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND huyện, thị xã, thành phố ven biển	2025, 2030	Báo cáo
22	Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 và 2026-2030	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT và các sở, ngành liên quan	2023, 2026	Tài liệu hướng dẫn
23	Triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở Du lịch, Sở VH&TT, Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2030	
24	Dự án thành lập Vườn Quốc Gia An Toàn	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT, UBND huyện An Lão	2027-2028	Báo cáo và Dự án
25	Dự án thành lập Khu rừng đặc dụng huyện Vĩnh Thạnh	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT, UBND huyện Vĩnh Thạnh	2027-2028	Báo cáo và Dự án

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
26	Điều tra, đánh giá các hệ sinh thái ven biển và đề xuất giải pháp bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững ở tỉnh Bình Định	Sở KH&CN, Sở TN&MT	Sở NN&PTNT	2023-2025	Báo cáo
27	Đề án điều tra, thống kê hiện trạng đa dạng thực vật rừng, động vật rừng tỉnh Bình Định, dự báo tác động đến đa dạng thực vật rừng, động vật rừng tỉnh Bình Định đến năm 2030	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT và các sở, ngành liên quan	2026-2030	Quyết định của UBND tỉnh
28	Xây dựng mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh đến 2030	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2026-2030	Quyết định của UBND tỉnh
29	Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025-2026	Quyết định của UBND tỉnh
30	Xây dựng quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên địa bàn tỉnh	Cơ quan quản lý các di sản thiên nhiên	Sở TN&MT, Sở VH-TT, Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2026-2028	Quy chế, kế hoạch
31	Xây dựng dự án công nhận di sản thiên nhiên trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT, Sở VH-TT, Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	Dự án
32	Xây dựng dự án phục hồi môi trường di sản thiên nhiên bị ô nhiễm, suy thoái môi trường	Sở TN&MT, Sở VH-TT, Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2026-2027	Dự án
33	Điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên (định kỳ 5 năm/lần)	Cơ quan quản lý các di sản thiên nhiên	Sở TN&MT, Sở VH-TT, Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025, 2030	Giai đoạn đến 2025: 25% di sản được điều tra, đánh giá Giai đoạn 2026-2030: 50% di sản được điều tra, đánh giá

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
34	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch truyền thông bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2026-2030	Sở TN&MT	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2026-2030	Kế hoạch của UBND tỉnh (ban hành trong Quý IV/2025)
B	GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH				
I	Về quản lý môi trường đô thị				
1	Xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt vùng phía Nam tỉnh (tại thành phố Quy Nhơn) và vùng phía Bắc tỉnh (tại thị xã Hoài Nhơn) bằng các công nghệ tiên tiến kết hợp (làm phân, đốt, đốt kết hợp phát điện,...) (xã hội hóa đầu tư)	Nhà đầu tư	Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, các sở, ngành và địa phương liên quan	2023-2025	Các dự án đi vào hoạt động chậm nhất Quý III/2025
2	Xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Tây Sơn bằng công nghệ đốt.	UBND huyện Tây Sơn	Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, các sở, ngành liên quan	2023-2024	Dự án đi vào hoạt động chậm nhất đầu năm 2025
3	Xây dựng Bãi chôn lấp hợp vệ sinh của huyện Vĩnh Thạnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, các sở, ngành liên quan	2023-2024	Dự án đi vào hoạt động chậm nhất đầu năm 2025
4	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cho thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn	Ban QLDA NN&PTNT	UBND thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, Sở Xây dựng, Sở TN&MT	2026-2030	Các hệ thống xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật
5	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cho một số thị trấn có mật độ dân cư cao thuộc các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước	UBND các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước	Sở Xây dựng, Sở TN&MT và các sở, ngành liên quan	2026-2030	Các hệ thống xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật
II	Về quản lý môi trường nông thôn				
6	Triển khai các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn chi phí thấp (phân tán hoặc tập trung)	UBND xã huyện, thị xã, thành phố	Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở Xây dựng	2023-2030	Các hệ thống thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
7	Đóng cửa các bãi chôn lấp, ô chôn lấp đã lấp đầy hoặc không hợp vệ sinh tại các địa phương	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TN&MT, Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan	2023-2025	Các bãi, ô chôn lấp được đóng cửa đúng quy trình
8	Xây dựng và thực hiện phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất tại các khu vực bị ô nhiễm	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở NN&PTNT, Sở TN&MT	2027-2030	
9	Thành lập và xây dựng hạ tầng (bao gồm hạ tầng bảo vệ môi trường) các khu chăn nuôi công nghệ cao, điểm chăn nuôi tập trung	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư	Sở TN&MT	2023-2030	
10	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải làng nghề bún tươi Ngải Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn; xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề Bún-Bánh An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn	UBND thị xã An Nhơn	Sở NN&PTNT, Sở TN&MT	2023-2025	Các hệ thống thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật
11	Xử lý ô nhiễm môi trường đối với Cảng cá Quy Nhơn và Làng nghề chế biến cá cơm xuất khẩu xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ	Sở NN&PTNT, UBND huyện Phù Mỹ	Sở TN&MT	2023-2024	
III	<i>Hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp</i>				
12	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	BQL KKT, các chủ đầu tư hạ tầng KCN	Sở TN&MT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2030	Các hệ thống xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật
13	Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa và nước thải các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở TN&MT	2023-2025	Các hệ thống thoát nước đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật
14	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh - Giai đoạn 1. Các CCN có lượng nước thải thực tế hiện nay và dự báo đến năm 2025 từ 50m ³ /ngày trở lên; - Giai đoạn 2. Các CCN còn lại	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư hạ tầng CCN	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở TN&MT	GD 1. 2023-2025 GD 2. 2026-2030	Các hệ thống xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
IV	<i>Về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ di sản thiên nhiên</i>				
15	Xây dựng cơ sở cứu hộ động vật hoang dã tại Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT, UBND huyện An Lão	2026-2030	
16	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ quan trắc đa dạng sinh học	Sở TN&MT	Sở NN&PTNT	2028-2030	
17	Xây dựng đề án và thực hiện số hóa dữ liệu hiện trạng đa dạng thực vật rừng, động vật rừng tỉnh Bình Định	Sở NN&PTNT	Sở TN&MT và các sở, ngành liên quan	2026-2030	
18	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về môi trường và đa dạng sinh học	Sở TN&MT	Sở TT&TT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025-2026	
19	Phục hồi môi trường di sản thiên nhiên bị ô nhiễm, suy thoái môi trường	Sở TN&MT, Sở VH-TT, Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2028-2030	
V	<i>Một số lĩnh vực khác</i>				
20	Xây dựng, lắp đặt và chuyển giao các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh	Ban QLDA DD&CN	Sở TN&MT, Sở KH&CN	2023-2024	
21	Nâng cao năng lực quan trắc môi trường (định kỳ và tự động) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở TN&MT	Sở KH&CN	2026-2030	